TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Tất Thể

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Bảo Hằng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc "*tranh chấp Hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đ, thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.(có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hoàng Xuân H - Công ty L – Chi nhánh K (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Thị D1, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Đội 2, thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc) (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D1 và anh Nguyễn Xuân D đăng ký kết hôn vào ngày 14/04/2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, đúng pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống hạnh phúc được một thời gian cùng bố mẹ anh D tại thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Đến năm 2015 thì hai vợ chồng xây nhà và ra ở riêng tại đội B, thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có con đầu lòng, nhưng hoàn cảnh khó khăn nên tháng 8 năm 2018, chị D1 xuất cảnh sang Hàn Quốc để làm việc. Trong thời gian đầu vợ đi nước ngoài thì vợ chồng vẫn duy trì liên lạc, gửi tiền về nuôi con. Đến năm 2020, chị D1 ít liên lạc về và không gửi tiền nuôi con. Năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D nghi ngờ chị D1 có quan hệ tình cảm nam nữ với người đàn ông khác, vợ chồng thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm, gây gổ với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Nguyễn Xuân D đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lê Thị D1.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày: 13/02/2016. Anh D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu chị D1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Xuân D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại đơn trình bày ý kiến ngày 01/4/2024, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/3/2024 của chị Lê Thị D1, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của chị D1 có tại các bản tự khai, đơn trình bày ý kiến, đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Kết luận giám định số 619/KL-KTHS ngày 26/04/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh H, kết luận chữ ký đề tên Lê Thị D1 dưới mục "Người làm bản tự khai" và mục "Người làm đơn" so với các mẫu giám định là do cùng 1 người (chị Lê Thị D1) viết ra. Bị đơn chị Lê Thị D1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị D1 thống nhất về nội dung trình bày của anh Nguyễn Xuân D về việc kết hôn, quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn. chị D1 đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh D, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D1 và anh D được ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày: 13/02/2016. Anh D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu chị D1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu Nguyễn Gia P có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do chị D1 đang lao động tại nước ngoài, không thể trực tiếp nuôi con nên chị thống nhất như yêu cầu của anh D cũng như nguyện vọng của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị D1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị D1 không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn, nên chị xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Lê V và bà Đặng Thị T giao nhận các tài liệu của Tòa án gửi thay chị. Quá trình làm việc,

ông Lê V và bà Đặng Thị T đồng ý chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tại liệu của chị Lê Thị D1, cam kết sẽ thông báo lại kịp thời nội dung các tài liệu, văn bản của Tòa án để chị D1 được biết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng:

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 cuat TAND tối cao; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân D. Xử cho anh Nguyễn Xuân D được ly hôn với chị Lê Thị D1.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày: 13/02/2016 cho anh Nguyễn Xuân D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị D1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được phép cản trở,.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Anh D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Lê Thị D1 và anh Nguyễn Xuân D đăng ký kết hôn vào ngày 14/04/2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Nay anh Nguyễn Xuân D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị D1. Tại công văn cung cấp thông tin danh sách khách xuất nhập cảnh của Cục Q - Bộ C, xác nhận: chị Lê Thị D1, sinh ngày 29/4/1992; hộ khẩu thường trú: xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 19/8/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị D1 đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lê Thị D1 đang lao động tự do tại Hàn Quốc và không có địa chỉ cụ thể, Tòa án đã thông qua gia đình, thân nhân của chị D1 để thu thập đầy đủ ý kiến của chị đối với việc giải quyết ly hôn. Theo hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do điều kiện công việc, chị D1 đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án tống đạt văn bản tố tụng cho chị thông qua ông Lê V và bà Đặng Thị T. Ông Lê V và bà Đặng Thị T đồng ý nhận văn bản và cam kết thông báo kịp thời, đầy đủ cho chị D1 biết. Do đó, Toà án mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị D1 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. ***Về nội dung:***

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị D1 và anh Nguyễn Xuân D tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào ngày 14/04/2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, được Ủy ban nhân dân xã K cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chị D1 và anh D là hợp pháp. Đến năm 2017, chị D1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Trong thời gian chị đi nước ngoài thì vợ chồng vẫn duy trì liên lạc nhưng không nhiều, do khoảng cách và anh D nghi ngờ chị D1 có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng mỗi người một nơi, không thể quan tâm, chăm sóc nhau, ít liên lạc dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay, anh D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn với chị Lê Thị D1. Chị D1 xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, vợ chồng có mâu thuẫn là đúng và thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa nên việc anh D xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D1 và anh D là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh D yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh D, cho chị D1 và anh D ly hôn.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày: 13/02/2016. Cháu Nguyễn Gia P có đơn trình bày nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn, cháu được sống cùng bố Nguyễn Xuân D. Cả chị D1 và anh D đều thống nhất giao cháu Nguyễn Gia P cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chị D1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của hai bên, giao con chung cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Chị D1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị D1 có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. ***Về án phí và quyền kháng cáo:*** Anh Nguyễn Xuân D tự nguyện chị án phí ly hôn sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 271, 273, 464, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2003/NQ ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân D. Cho anh Nguyễn Xuân D và chị Lê Thị D1 ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia P, sinh ngày: 13/02/2016 cho anh Nguyễn Xuân D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D1 có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai cản trở.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Xuân D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000821 ngày 20/3/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Văn Hồng **Nguyễn Tất Thể** **Trần Thị Thu Hiền**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Sỹ Quân **Trần Đăng Ninh** **Nguyễn Hà Ngân**